

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 39

77
ĐƠN
TỔ
KIỂM
TOÁN
ĐỘC
LẬP

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Phan Văn Thuần	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2020)
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên
Bà Mai Thị Phương Nhung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Huy Hà	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2020)
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2020)
Ông Đinh Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Ông Dương Đức Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2020)
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2020)
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại dịch Covid 19 đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến ngành vận tải hành khách trong đó có Công ty CP Hoàng Hà. Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Chúng tôi tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng do đại dịch mang tới. Chúng tôi đã và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi - phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Số: 032205/2021/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn, đồng thời, như đã trình bày tại thuyết minh số VIII.3 về các diễn biến của dịch Covid 19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Báo cáo kiểm toán đề ngày 27 tháng 03 năm 2020 đưa ra ý kiến chấp nhận



toán phần

Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.009.811.235	142.589.048.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.951.555.847	6.255.463.432
1. Tiền	111		1.951.555.847	6.255.463.432
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.042.345.071	123.646.993.526
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	12.189.244.941	35.175.647.923
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	25.534.490.000	37.897.046.618
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	47.480.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.318.610.130	3.094.298.985
III. Hàng tồn kho	140		3.235.374.062	10.415.098.722
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3.235.374.062	10.415.098.722
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.780.536.255	2.271.492.380
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	1.017.352.579	2.250.763.018
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.757.790.364	12.538.636
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	5.393.312	8.190.726
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		368.320.703.694	371.685.544.617
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.809.471.616	19.709.703.647
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	18.809.471.616	19.709.703.647
II. Tài sản cố định	220		294.222.368.225	306.433.423.822
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	262.935.790.339	260.591.432.511
- Nguyên giá	222		439.556.407.082	418.816.493.752
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.620.616.743)	(158.225.061.241)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	31.286.577.886	45.841.991.311
- Nguyên giá	225		80.802.661.115	84.574.540.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(49.516.083.229)	(38.732.549.513)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		75.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.000.000)	(75.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.335.060.480	2.313.016.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.335.060.480	2.313.016.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.675.743.986	25.185.712.791
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	24.675.743.986	25.185.712.791
V. Tài sản dài hạn khác	260		26.278.059.387	18.043.688.357
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	26.278.059.387	18.043.688.357
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		420.330.514.929	514.274.592.677


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		131.259.555.405	158.920.797.179
I. Nợ ngắn hạn	310		92.617.029.005	105.119.583.726
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	4.086.819.371	3.963.951.582
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	20.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	371.936.900	2.662.890.045
4. Phải trả người lao động	314		1.877.955.000	2.752.345.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.507.256.412	635.352.270
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	858.067.940	853.557.830
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	997.945.749	1.510.704.477
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	82.621.986.210	92.425.721.099
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		295.061.423	295.061.423
II. Nợ dài hạn	330		38.642.526.400	53.801.213.453
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	232.404.813	3.501.183.845
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	48.100.000	48.100.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	38.362.021.587	50.251.929.608
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289.070.959.524	355.353.795.498
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	289.070.959.524	355.353.795.498
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	4.944.328.656
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(66.097.123.183)	513.819.622
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		185.712.791	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(66.282.835.974)	513.819.622
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		420.330.514.929	514.274.592.677


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	112.428.609.604	222.557.099.451
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	112.428.609.604	222.557.099.451
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	147.472.003.282	191.407.286.327
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(35.043.393.678)	31.149.813.124
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.172.753.705	125.458.206
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.603.440.695	17.045.430.880
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.603.420.261	15.226.662.528
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(509.968.805)	185.712.791
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.879.115.027	13.708.618.228
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(63.863.164.500)	706.935.013
11. Thu nhập khác	31	VI.6	98.842.273	363.885.130
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.518.513.747	240.017.456
13. Lợi nhuận khác	40		(2.419.671.474)	123.867.674
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(66.282.835.974)	830.802.687
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	316.983.065
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(66.282.835.974)	513.819.622
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(66.282.835.974)	513.819.622
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.899)	15
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(1.899)	15


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(66.282.835.974)	830.802.687
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	37.657.812.231	37.323.319.167
Các khoản dự phòng	03	-	(513.887.797)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	20.434	86.149
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.071.457.719	2.285.828.386
Chi phí lãi vay	06	12.603.420.261	15.226.662.528
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(14.950.125.329)	55.152.811.120
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	32.158.902.266	28.825.073.645
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	7.179.724.660	(536.652.673)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(3.741.545.885)	(1.340.921.487)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(7.000.960.591)	12.221.638.940
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.747.987.230)	(15.416.184.878)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(355.791.614)	(475.749.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	1.542.216.277	78.430.015.329
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(34.113.241.000)	(16.326.540.906)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.104.545.455	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(32.800.000.000)	(72.480.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	80.280.000.000	25.380.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	15.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.376.235.027	125.458.206
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20.847.539.482	(48.301.082.700)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	82.596.702.312	141.347.010.720
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(99.096.389.103)	(152.340.306.257)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(5.193.956.119)	(18.683.584.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.693.642.910)	(29.676.880.337)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	696.112.849	452.052.292
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.255.463.432	5.803.497.289
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(20.434)	(86.149)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.951.555.847	6.255.463.432


Nghiêm Thị Hiếu

Người lập

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021


Phạm Thị Loan

Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Hoan

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 30 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HHG. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG là ngày 28/07/2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 436 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 534 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Bến xe khách bến xe phía Tây Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Thái Bình	45,45%	45,45%	Mua, bán xăng dầu, phụ tùng ô tô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Công ty ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các kỳ kế toán nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải

Năm khấu hao
03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

Hệ điều hành taxi và phần mềm chuyển phát nhanh

Năm khấu hao
05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.897.731.555	4.847.461.561
Tiền gửi ngân hàng	53.824.292	1.408.001.871
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	-
Cộng	6.951.555.847	6.255.463.432

(*) Các khoản tương đương tiền của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội. Lãi suất là 3,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Thăng Long	2.584.437.000	11.047.974.400
Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Kim Long	1.378.663.640	953.222.000
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	513.636.413	1.489.588.413
Bùi Tiến Thảo	-	939.000.000
Khách hàng khác	7.712.507.888	20.745.863.110
Cộng	12.189.244.941	35.175.647.923
b) Trong đó khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VIII.2)	609.636.413	2.032.556.060

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH THMC (*)	25.000.000.000	-
Trung tâm Phát triển Quý đất Thành phố Thái Bình	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH Khôi Nguyên Thái Bình	-	26.768.508.000
Công ty TNHH MTV sản xuất và Thương mại Đại Toàn	-	5.819.286.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Bình Yên	-	4.390.789.700
Các người bán khác	414.490.000	798.462.918
Cộng	25.534.490.000	37.897.046.618

(*) Hợp đồng xây dựng số 01/20/HĐXL ngày 14/08/2020 dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình, tổng giá trị hợp đồng là 146.729.616.000 đồng, giá trị tạm ứng là 25.000.000.000 đồng.

4. Phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	-	1.121.075.000
Tiền thuế GTGT phải thu hoạt động thuê tài chính	1.293.628.560	1.698.326.968
Phải thu về lãi cho vay	-	203.935.657
- Công ty CP Du lịch Thương mại Tiến Bình	-	203.935.657
Phải thu khác	24.981.570	70.961.360
Cộng	1.318.610.130	3.094.298.985
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	829.471.616	1.729.703.647
Công ty CP Du lịch Thương mại Tiến Bình (i)	17.980.000.000	17.980.000.000
Cộng	18.809.471.616	19.709.703.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu khác (Tiếp theo)

- (i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68.2018/HTKD ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tiên Bình về việc góp vốn đầu tư với số tiền là 17.980.000.000 đồng (tương ứng 40% giá trị hợp tác đầu tư), phân chia kết quả kinh doanh căn cứ vào giá trị quyết toán sau khi sửa chữa và nâng cấp các trang thiết bị cho Khách sạn Hoàng Kim và Nhà khách Công an tỉnh Thái Bình, bên Công ty CP Hoàng Hà nhận 20% lợi nhuận thu được từ hoạt động hợp tác đầu tư.

Theo phụ lục hợp đồng số 01.2020/PLHĐHTKD ngày 30 tháng 06 năm 2020, do diễn biến dịch Covid -19 kéo dài và diễn biến phức tạp, bên thứ 3 chịu trách nhiệm sửa chữa khách sạn gặp khó khăn về nhân lực, chưa kịp hoàn thành tiến độ công trình nên Khách sạn Hoàng Kim và Nhà khách Công an tỉnh Thái Bình chưa hoàn thành để đi vào sử dụng. Căn cứ theo phụ lục này, hai bên cùng nhất trí thời điểm phân chia lợi nhuận là thời điểm khách sạn đưa vào sử dụng thực tế sau khi có biên bản nghiệm thu sửa chữa khách sạn.

5. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	778.273.113	1.509.829.864
Chi phí trả trước khác	239.079.466	740.933.154
Cộng	1.017.352.579	2.250.763.018
b) Dài hạn		
Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe	3.116.789.334	10.818.394.658
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.159.795.828	2.206.743.236
Chi phí trả trước khác	19.001.474.225	5.018.550.463
Cộng	26.278.059.387	18.043.688.357

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.566.964.152	-	9.409.416.085	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	343.864.455	-	343.864.455	-
Hàng hoá	324.545.455	-	661.818.182	-
Cộng	3.235.374.062	-	10.415.098.722	-

7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp/ bù trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	393.312	9.813.410	7.076.469	3.130.253
Các loại thuế khác	5.000.000	60.473	-	5.060.473
Cộng	5.393.312	9.873.883	7.076.469	8.190.726
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	10.059.002.800	12.126.648.450	2.067.645.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.854.576	-	355.791.614	502.646.190
Thuế thu nhập cá nhân	14.026.419	14.026.449	28.837.200	28.837.170
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	76.794.760	76.794.760	-
Thuế, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	211.055.905	228.270.338	80.975.468	63.761.035
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	371.936.900	10.385.094.347	12.676.047.492	2.662.890.045

THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. Tài sản cố định hữu hình**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm	220.489.736.357	28.063.866.344	160.306.040.725	9.956.850.326	418.816.493.752
Mua trong năm	-	-	-	34.105.375.000	34.105.375.000
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	3.779.745.709	-	3.779.745.709
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17.145.207.379)	-	(17.145.207.379)
Tại ngày cuối năm	220.489.736.357	28.063.866.344	146.940.579.055	44.062.225.326	439.556.407.082
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	37.388.468.815	19.574.176.857	93.543.964.737	7.718.450.832	158.225.061.241
Khấu hao trong năm	8.060.745.760	2.726.672.564	11.180.158.638	3.500.988.875	25.468.565.837
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	1.405.712.678	-	1.405.712.678
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8.478.723.013)	-	(8.478.723.013)
Tại ngày cuối năm	45.449.214.575	22.300.849.421	97.651.113.040	11.219.439.707	176.620.616.743
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	183.101.267.542	8.489.689.487	66.762.075.988	2.238.399.494	260.591.432.511
Tại ngày cuối năm	175.040.521.782	5.763.016.923	49.289.466.015	32.842.785.619	262.935.790.339

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 98.223.268.047 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 128.758.562.177 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 53.314.106.421 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 49.319.122.278 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	84.574.540.824	84.574.540.824
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.771.879.709)	(3.771.879.709)
Tại ngày cuối năm	<u>80.802.661.115</u>	<u>80.802.661.115</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	38.732.549.513	38.732.549.513
Khấu hao trong năm	12.189.246.394	12.189.246.394
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.405.712.678)	(1.405.712.678)
Tại ngày cuối năm	<u>49.516.083.229</u>	<u>49.516.083.229</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	45.841.991.311	45.841.991.311
Tại ngày cuối năm	<u>31.286.577.886</u>	<u>31.286.577.886</u>

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm điều hành Taxi và chuyển phát nhanh có nguyên giá là 75.000.000 đồng đã hết khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Bến xe phía Tây Thái Bình	4.335.060.480	2.313.016.000
Cộng	<u>4.335.060.480</u>	<u>2.313.016.000</u>

Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình được thực hiện theo hợp đồng BOO số 03/HĐ – BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018 ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và xây dựng công trình theo hợp đồng là từ năm 2018 đến năm 2019. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đang gặp vướng mắc trong quá trình giải phóng mặt bằng nên chưa tiếp tục chuyển sang giai đoạn thi công tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Lỗ liên doanh, liên kết VND	Cộng VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Lãi liên doanh, liên kết VND	Cộng VND
	45,45%	25.000.000.000	(324.256.014)	24.675.743.986	45,45%	25.000.000.000	185.712.791	25.185.712.791
Cộng	25.000.000.000	(324.256.014)	24.675.743.986		25.000.000.000	185.712.791	25.185.712.791	

Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh (*)

Cộng

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, do các công ty liên kết này chưa thực hiện
niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các
khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên.**13. Phải trả người bán ngắn hạn****a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty TNHH Cổ phần Dầu mỡ nhờn Đức Cường
 Công ty CP Thương mại Thái Bình Xanh
 Chi nhánh Công ty CP ôtô TMT
 Công ty TNHH Dầu nhờn Quốc tế Thụy Dương
 Phải trả cho các đối tượng khác

Cộng

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết
minh VIII.2)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
	1.212.475.000	1.212.475.000	-	-
201.078.214	201.078.214	553.921.113	553.921.113	
256.122.597	256.122.597	726.384.380	726.384.380	
285.372.970	285.372.970	458.420.600	458.420.600	
2.131.770.590	2.131.770.590	2.225.225.489	2.225.225.489	
4.086.819.371	4.086.819.371	3.963.951.582	3.963.951.582	
231.684.614	231.684.614	553.921.113	553.921.113	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.507.256.412	635.352.270
Cộng	1.507.256.412	635.352.270

15. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Nhận trước tiền thuê mặt bằng	858.067.940	853.557.830
Cộng	858.067.940	853.557.830
b) Dài hạn		
Chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính (*)	232.404.813	3.501.183.845
Cộng	232.404.813	3.501.183.845

(*) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản chênh lệch giữa giá bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính theo các Hợp đồng đã ký giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hàng tháng, Công ty thực hiện phân bổ giá trị theo thời gian thuê tài sản với số chưa phân bổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 232.404.813 đồng.

16. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	126.510.160	126.510.160
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu may Thăng Long (*)	821.890.810	821.890.810
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	49.544.779	562.303.507
Cộng	997.945.749	1.510.704.477
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	48.100.000	48.100.000
Cộng	48.100.000	48.100.000

(*) Đây là khoản phải trả cho Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu may Thăng Long theo quy định tại hợp đồng liên doanh số 01/2016/HĐLD ngày 12/04/2016 về việc tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khu quy hoạch dân cư tại khu đất Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Bình cũ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiển Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HNBan hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	49.277.975.445	49.277.975.445	72.996.702.312	79.370.441.659	55.651.714.792	55.651.714.792
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	24.520.798.674	24.520.798.674	43.210.485.689	39.424.894.041	20.735.207.026	20.735.207.026
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	24.757.176.771	24.757.176.771	19.975.619.666	22.331.213.335	27.112.770.440	27.112.770.440
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 3	-	-	9.810.596.957	15.284.517.783	5.473.920.826	5.473.920.826
Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thái Bình	-	-	-	2.329.816.500	2.329.816.500	2.329.816.500
Vay cá nhân, tổ chức	-	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	-
Ông Nguyễn Hữu Hoan	-	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	20.041.845.557	20.041.845.557			20.088.500.000	20.088.500.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	13.302.165.208	13.302.165.208			16.685.506.307	16.685.506.307
Cộng	82.621.986.210	82.621.986.210			92.425.721.099	92.425.721.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/416466 ngày 14 tháng 11 năm 2018. Hạn mức tín dụng ngắn hạn với số tiền tối đa là 15 tỷ đồng. Bắt đầu từ thời điểm ngày 05/08/2019, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình đã tăng hạn mức tín dụng ngắn hạn với Công ty theo Công văn số 4420a/CV-BIDV.TB Theo đó, hạn mức tín dụng tối đa là 25 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn cho vay tùy theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Lãi suất theo BIDV Thái Bình từng thời kỳ. Hình thức đảm bảo: thế chấp tài sản gắn liền với đất của Công ty bao gồm: Nhà xưởng bảo dưỡng xe, phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm, nhà kinh doanh phụ tùng, ô tô và các phương tiện vận tải xe chở khách, xe buýt,.....
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 021/18/0068/TD ngày 25 tháng 12 năm 2018 với hạn mức cho vay là 27,5 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay vốn để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - bến xe khách của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng). Tài sản bảo đảm quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay dài hạn của Công ty	54.155.414.556	54.155.414.556	-	10.125.947.444	64.281.362.000	64.281.362.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	109.000.000	109.000.000	109.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	22.702.915.108	22.702.915.108	-	7.582.017.892	30.284.933.000	30.284.933.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	27.507.587.999	27.507.587.999	-	1.023.908.001	28.531.496.000	28.531.496.000
Ngân hàng TMCP An Bình (iii)	1.511.999.449	1.511.999.449	-	1.008.000.551	2.520.000.000	2.520.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Thái Bình (iv)	2.432.912.000	2.432.912.000	-	403.021.000	2.835.933.000	2.835.933.000
Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn	17.550.617.796	17.550.617.796	-	5.193.956.119	22.744.573.915	22.744.573.915
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam (v)	8.634.110.500	8.634.110.500	-	3.172.097.500	11.806.208.000	11.806.208.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội (vi)	8.916.507.296	8.916.507.296	-	2.021.858.619	10.938.365.915	10.938.365.915
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	20.041.845.557	20.041.845.557	-	-	20.088.500.000	20.088.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	7.617.982.108	7.617.982.108	-	-	7.600.000.000	7.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	-	109.000.000	109.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	10.593.096.000	10.593.096.000	-	-	10.593.096.000	10.593.096.000
Ngân hàng TMCP An Bình	1.209.599.449	1.209.599.449	-	-	1.209.600.000	1.209.600.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Thái Bình	621.168.000	621.168.000	-	-	576.804.000	576.804.000
Trừ: Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	13.302.165.208	13.302.165.208	-	-	16.685.506.307	16.685.506.307
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	7.068.505.000	7.068.505.000	-	-	8.144.440.000	8.144.440.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	6.233.660.208	6.233.660.208	-	-	8.541.066.307	8.541.066.307
Cộng	38.362.021.587	38.362.021.587	-	-	50.251.929.608	50.251.929.608

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 021/050/09/0000288/VCB-TB tháng 06 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay). Thời hạn vay vốn là 144 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư công trình Văn phòng - Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- (ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 14472.16.755.2376838.TD ngày 18 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để đầu tư mua sắm ô tô mới nguyên chiếc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách. Thời hạn vay vốn tối đa là 84 tháng, lãi suất vay vốn được quy định tại từng khế ước nhận nợ tại từng thời điểm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 89826.17:755.2376838.TD ngày 30 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng là 17.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô chở khách 29 chỗ theo hợp đồng mua bán xe số CV15VSA1215106/AH ngày 17 tháng 12 năm 2015 và phụ lục 05 ngày 13 tháng 02 năm 2017 ký giữa Công ty CP Hoàng Hà và Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam (Giai đoạn 2 - năm 2017); Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trên khế ước nhận nợ, lãi suất được quy định tại từng thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 20 xe ô tô 29 chỗ Fuso Rosa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Hà.
- (iii) Hợp đồng tín dụng số 119/17/TD-TT/XXXI ký ngày 13 tháng 01 năm 2017 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức là 15.120.000.000 đồng để đầu tư 50 xe ô tô Hyundai Grand i10 Sendan bản 1.2 MT Base nhập khẩu nguyên chiếc mới 100% để hoạt động kinh doanh taxi với thương hiệu Taxi Hoàng Hà. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định tại thời điểm giải ngân trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay. Nội dung chi tiết được thể hiện trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/17/TC-TT/XXXI ngày 13/01/2017; Giấy nhận nợ số 119/17/TD-TT/XXXI.01 ngày 16/1/17, số tiền vay 6.048.000.000 VND, lãi suất cho vay 8,1%/năm trong 12 tháng, sau 12 tháng lãi suất thay đổi theo quy định của ABBANK hoặc phê duyệt cụ thể, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/02/2017.
- (iii) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV-9222 ngày 12 tháng 12 năm 2019. Số tiền cho vay là 2.884.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Thời hạn giải ngân tối đa 60 ngày kể từ ngày 12/12/2019. Mục đích vay để mua xe ô tô Lexus theo Hợp đồng mua bán xe ô tô trả góp số 190834/HĐMB ngày 09/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Lexus Thăng Long và Công ty. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là xe ô tô, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Công ty bao gồm các thông tin: nhãn hiệu Lexus, số loại RX350, biển số 17A - 163.78, số khung JTJBZMCA402046782. Tài sản đảm bảo được định giá là 4.100.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**19. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

- (iv) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cổ phần Hoàng Hà với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng:

Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.046/2015/TSC-CTTC ngày 06/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 3.870.700.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Toyota Innova 2.0E mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2015. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 592.113.000 đồng.

Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.105/2017/TSC-CTTC ngày 04/12/2017 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 5.643.900.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Fuso đỏ. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.688.872.500 đồng.

Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.089/2017/TSC-CTTC ngày 10/10/2017 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 6.054.000.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 08 xe ô tô khách Samco 46 chỗ - Động cơ Hino. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.033.912.500 đồng.

Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.088/2017/TSC-CTTC ngày 10/10/2017 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 8.966.000.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 12 xe ô tô khách Samco 46 chỗ - Động cơ Hino. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.533.387.500 đồng.

Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) 01.026/2018/TSC-CTTC ngày 23/04/2018 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 11.820.000.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 10 xe ô tô khách Samco. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.785.825.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (v) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB leasing) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 11.09.13/HĐCTTC-HH2 ngày 13 tháng 03 năm 2014, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 84 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.044.598.608 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐCTTC-HH1 ngày 17 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 287.840.797 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐCTTC-HH2 ngày 29 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 652.939.150 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.02.16/HĐCTTC-HH ngày 18 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 966.903.600 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.02.16/HĐCTTC-HH ngày 27 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.889.975.341 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 04.01.16/HĐCTTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 413.073.600 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.01.16/HĐCTTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 476.876.200 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.12.16/HĐCTTC-HH ngày 07 tháng 12 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.184.300.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Trong vòng một năm	13.302.165.208	16.685.506.307
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.248.452.588	6.059.067.608
Cộng	<u>17.550.617.796</u>	<u>22.744.573.915</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	13.302.165.208	16.685.506.307
Số phải trả sau 12 tháng	<u>4.248.452.588</u>	<u>6.059.067.608</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Trong vòng một năm	20.041.845.557	20.088.500.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	34.113.568.999	44.192.862.000
Cộng	<u>54.155.414.556</u>	<u>64.281.362.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	20.041.845.557	20.088.500.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>34.113.568.999</u>	<u>44.192.862.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	348.963.540.000	932.107.220	1.444.328.656	3.893.126.423	355.233.102.299
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	513.819.622	513.819.622
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.500.000.000	(3.500.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(393.126.423)	(393.126.423)
Số dư đầu năm nay	348.963.540.000	932.107.220	4.944.328.656	513.819.622	355.353.795.498
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	(66.282.835.974)	(66.282.835.974)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	328.106.831	(328.106.831)	-
Số dư cuối năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(66.097.123.183)	289.070.959.524

(i) Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển theo tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và Biên bản họp hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt phương án chia cổ tức năm 2019. Theo đó, phê duyệt phương án trích lập toàn bộ lợi nhuận năm 2019 của Công ty vào quỹ đầu tư phát triển số tiền 328.106.831 đồng.

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.428.609.604	222.557.099.451
<u>Trong đó:</u>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.844.598.899	173.290.249.343
Doanh thu bán hàng hóa	24.884.551.689	43.466.532.648
Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.699.459.016	5.800.317.460
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.428.609.604	222.557.099.451

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	120.120.170.347	145.664.842.039
Giá vốn hàng hóa đã bán	23.573.791.985	40.696.812.126
Giá vốn bất động sản	3.778.040.950	5.045.632.162
Cộng	147.472.003.282	191.407.286.327

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.172.299.370	125.458.206
Lãi chênh lệch tỷ giá	454.335	-
Cộng	1.172.753.705	125.458.206

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	12.603.420.261	15.226.662.528
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	2.332.570.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(513.887.797)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.434	86.149
Cộng	12.603.440.695	17.045.430.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	7.420.755.721	6.282.288.766
Chi phí công cụ dụng cụ	1.936.115.621	404.682.812
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.640.160.959	1.497.426.135
Thuế, phí và lệ phí	145.213.418	155.444.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.337.858.824	4.017.421.529
Chi phí bằng tiền khác	1.399.010.484	1.351.354.140
Cộng	16.879.115.027	13.708.618.228

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền bồi thường bảo hiểm xe	87.737.000	260.037.280
Các khoản thu nhập khác	11.105.273	103.847.850
Cộng	98.842.273	363.885.130

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt chậm nộp	270.638.268	191.961.576
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	2.243.757.089	-
Chi phí khác	4.118.390	48.055.880
Cộng	2.518.513.747	240.017.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Hoàng Hà		
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(66.097.123.183)	645.089.896
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.680.258.956	939.825.432
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	4.680.258.956	939.825.432
+ Các khoản phạt	269.958.238	191.961.576
+ Chi phí khấu hao xe dùng hoạt động	3.408.111.628	-
+ Chi phí không được trừ khác	1.002.189.090	747.863.856
Tổng thu nhập tính thuế	(61.416.864.227)	1.584.915.328
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	(61.416.864.227)	1.584.915.328
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	-	316.983.065
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình		
Lợi nhuận trước thuế	98.304.570	(117.716.478)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(98.304.570)	116.354
<i>Lỗ kết chuyển</i>	(98.348.618)	-
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	44.048	116.354
Thu nhập chịu thuế	-	(117.600.124)
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	-	316.983.065

9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(66.282.835.974)	513.819.622
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(66.282.835.974)	513.819.622
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	34.896.354	34.896.354
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.899)	15
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.899)	15

(*) Căn cứ vào tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và biên bản họp hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt phương án chia cổ tức năm 2019, Công ty không thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tài ngày 31 tháng 12 năm 2020 do ảnh hưởng của việc không trích quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Tiếp theo)

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	513.819.622	-	513.819.622
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty (*)	91.695.393	(91.695.393)	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	422.124.229	91.695.393	513.819.622
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	34.896.354	-	34.896.354
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12	3	15
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	12	3	15

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.741.405.634	50.989.192.865
Chi phí nhân công	37.023.220.852	41.818.489.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.657.812.231	37.323.319.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.178.490.764	27.533.200.571
Chi phí khác bằng tiền	5.215.284.614	7.018.452.728
Cộng	125.816.214.095	164.682.655.170

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 102.596.702.312 đồng.

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 99.096.389.103 đồng.
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính: 5.193.956.119 đồng.

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hợp nhất lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động KD bất động sản VND	Tổng cộng VND
Năm 2020				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	24.884.551.689	81.844.598.899	5.699.459.016	112.428.609.604
Tổng Doanh thu thuần	24.884.551.689	81.844.598.899	5.699.459.016	112.428.609.604
Chi phí phân bổ	29.839.783.658	140.728.842.812	5.213.178.829	175.781.805.299
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(4.955.231.969)	(58.884.243.913)	486.280.187	(63.353.195.695)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(509.968.805)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.955.231.969)	(58.884.243.913)	486.280.187	(63.863.164.500)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	64.259.371.015	-	64.259.371.015
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.901.041.601	39.142.195.066	2.725.767.364	53.769.004.031
Số dư tại ngày 31/12/2020				
Tài sản bộ phận	324.545.455	420.005.969.474	-	420.330.514.929
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	324.545.455	420.005.969.474	-	420.330.514.929
Nợ phải trả bộ phận	256.122.597	131.003.432.808	-	131.259.555.405
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	256.122.597	131.003.432.808	-	131.259.555.405

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty có liên quan

b. Các giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.331.999.998	1.979.209.361
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	87.272.728	504.037.001
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.244.727.270	1.475.172.360
Mua hàng	31.373.060.428	57.640.193.402
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	31.211.562.428	57.017.344.652
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	161.498.000	622.848.750

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	609.636.413	2.032.556.060
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	513.636.413	1.489.588.413
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	96.000.000	542.967.647
Phải trả người bán ngắn hạn	231.684.614	553.921.113
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	201.078.214	553.921.113
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	30.606.400	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Khoản mục		
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	729.698.017	700.800.000
Cộng	729.698.017	700.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Sự lây lan của dịch bệnh do Covid - 19 gây ra đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến khó dự đoán của dịch bệnh Covid19 bùng phát lần thứ 4 ở Việt Nam. Sự kiện này đã tác động trực tiếp đến doanh thu lãi của Công ty CP Hoàng Hà đến từ lĩnh vực vận tải hành khách.

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của Covid - 19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, kèm theo các kế hoạch thích hợp trong ngắn hạn và dài hạn để kiểm soát sự không chắc chắn. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Ban Tổng Giám đốc đang chủ động xem xét lại chiến lược kinh doanh, làm việc với các đối tác và các tổ chức tín dụng nhằm ứng phó với tình hình tài chính hiện tại.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc